

Bản án số: 373/2024/HC-PT
Ngày: 09 - 5 - 2024
V/v khiếu kiện hành vi hành chính và
giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mươi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ưc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 635/2023/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “Khiếu kiện hành vi hành chính và giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 957/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

1. Người khởi kiện: Bà Đàm Quý N; Địa chỉ: E N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đàm Quý N: Ông Lư Quang V; Địa chỉ: E N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn H – Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: 1 P, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

(Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Thành B – Trưởng phòng Bộ trợ Tư pháp (có mặt)

- Ông Vũ Nguyễn Đại L – Chuyên viên phòng Bộ trợ Tư pháp (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng T1; Địa chỉ: B N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trưởng Văn phòng: Bà Vũ Thị H1.

Người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng T1: Bà Đặng Thị Tuyết M; Địa chỉ: A Đ, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 13/6/2023)

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Đàm Quý N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 27/9/2022, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/10/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa, bà Đàm Quý N có người đại diện theo ủy quyền là ông Lư Quang V trình bày:*

Ngày 06/12/2016, bà N mua căn nhà số E N, Phường A, quận G bằng Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất viết tay và giấy xác nhận về việc bàn giao tiền và nhận nhà với ông Sử Kinh S. Tất cả hợp đồng đều có ký tên, điểm chỉ của hai bên mua bán.

Tháng 04/2017, gia đình bà về sửa chữa, sơn phết căn nhà để chuẩn bị về ở.

Ngày 26/6/2017, chồng bà về ở tại nhà số E N, Phường A, quận G đến ngày 12/01/2018 bà và con là Lư Khả H2 về ở cùng chồng cho đến nay.

Trong năm 2017, vợ chồng bà có đi dự buổi tuyên truyền kế hoạch số 561/KH-UBND ngày 30/8/2017 của Ủy ban nhân dân (UBND) Phường A, quận G về công tác đăng ký đất đai, nhà ở, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn quận G. Vợ chồng bà đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận theo đợt làm thủ tục đại trà này. Đồng thời, bà đã thay đổi người nộp thuế từ chủ cũ qua tên bà và bà nộp thuế từ năm 2017 đến nay; bà cũng thay đổi chủ sử dụng đồng hồ điện, đồng hồ nước và nhập khẩu thường trú về đây từ năm 2018 đến nay.

Ngày 18/7/2022, bà N nộp Đơn xin giải đáp thắc mắc đến UBND Phường 17 về việc chưa được cấp giấy chứng nhận theo kế hoạch đăng ký đại trà nêu trên.

Ngày 19/8/2022, U có Công văn số 617/UBND về chuyển đơn kiến nghị của bà Đàm Quý N đến Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận G. Sau khi làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường quận G vào ngày 06/10/2022. Ngày

18/10/2022, UBND quận G ban hành Công văn số 3913 ngày 18/10/2022 về việc phúc đáp đơn kiến nghị của công dân, xác định “*Năm 2016, ông S chuyển nhượng cho bà bằng giấy tay ngày 06/12/2016*” nhưng chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định tại điểm a khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ do nhận chuyển nhượng nhà đất sau ngày 01/01/2008.

Việc ông S bán căn nhà số E nêu trên cho ông Trần Anh T và bà Thiều Thị Diệu H3 là không thể diễn ra được. Vì vậy, việc lập Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 của Văn phòng Thừa phát lại quận G (nay là Văn phòng T1) ghi nhận việc bàn giao “*Thông báo*” là trái quy định pháp luật đất đai và công chứng, chứng thực về giao dịch đối với mua bán nhà đất.

Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 là sự kiện, hành vi không có thật. Vì không có chứng cứ về việc Thừa phát lại chứng kiến các bên giao nhận tiền và Thừa phát lại không thể chứng kiến các bên giao nhận căn nhà số E tại địa chỉ của Văn phòng T ở B N, Phường C, quận G.

Vì các lý do trên, bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ số vào sổ đăng ký Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV của Văn phòng Thừa phát lại quận G lập ngày 10/11/2017 do Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Sở Tư pháp) vào sổ đăng ký vi bằng thừa phát lại; Hủy Văn bản số 4432/STP-TTr ngày 22/9/2022 của Giám đốc Sở Tư pháp.

** Người bị kiện Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh và Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Thành B và ông Vũ Nguyễn Đại L trình bày:*

1. Về vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 của Văn phòng Thừa phát lại quận G.

a) Về quy định pháp luật áp dụng đăng ký vi bằng

Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV do Thừa phát lại Vũ Thị H1 lập ngày 10/11/2017, đăng ký tại Sở Tư pháp ngày 10/11/2017, do đó áp dụng các quy định pháp luật sau:

- Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Nghị định số 61/2009/NĐ-CP).

- Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Nghị định số 135/2013/NĐ-CP).

- Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 28/02/2014 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ T2 hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội (viết tắt là Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC).

b) Về nội dung quy định pháp luật liên quan đến giá trị pháp lý của vi bằng và đăng ký vi bằng tại thời điểm tháng 11 năm 2017

Theo Nghị định số 61/2009/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 135/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

- Khoản 1 Điều 2 về giải thích từ ngữ quy định: “1. Vi bằng là văn bản do Thừa phát lại lập, ghi nhận sự kiện, hành vi được dùng làm chứng cứ trong xét xử và trong các quan hệ pháp lý khác”.

- Khoản 2 Điều 3 về công việc Thừa phát lại được làm quy định: “2. Lập vi bằng theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức”.

- Khoản 1 Điều 5 về nhiệm vụ, quyền hạn của Thừa phát lại quy định: “1. Trung thực, khách quan khi thực hiện công việc; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; quy chế tổ chức, hoạt động và đạo đức nghề nghiệp Thừa phát lại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện công việc của mình”.

- Điều 25 về thẩm quyền, phạm vi lập vi bằng quy định:

“1. Thừa phát lại có quyền lập vi bằng đối với các sự kiện, hành vi theo yêu cầu của đương sự, trừ các trường hợp quy định tại Điều 6 của Nghị định này; các trường hợp vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, quốc phòng; vi phạm bí mật đời tư theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật dân sự; các trường hợp thuộc thẩm quyền công chứng của tổ chức hành nghề công chứng hoặc thuộc thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân các cấp và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thừa phát lại được lập vi bằng các sự kiện, hành vi xảy ra trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại”.

- Điều 26 về thủ tục lập vi bằng quy định:

“1. Việc lập vi bằng phải do chính Thừa phát lại thực hiện. Thư ký nghiệp vụ Thừa phát lại có thể giúp Thừa phát lại thực hiện việc lập vi bằng, nhưng Thừa phát lại phải chịu trách nhiệm về vi bằng do mình thực hiện.

2. Vi bằng chỉ ghi nhận những sự kiện, hành vi mà Thừa phát lại trực tiếp chứng kiến; việc ghi nhận phải khách quan, trung thực.

...4. Vi bằng lập thành 03 bản chính: 01 bản giao người yêu cầu; 01 bản gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện thí điểm chế định

Thừa phát lại để đăng ký trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập vi bằng; 01 bản lưu trữ tại Văn phòng Thừa phát lại theo quy định của pháp luật về chế độ lưu trữ đối với văn bản công chứng.

5. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được vi bằng, Sở Tư pháp phải vào sổ đăng ký vi bằng Thừa phát lại. Sở Tư pháp có quyền từ chối đăng ký nếu phát hiện thấy việc lập vi bằng không đúng thẩm quyền, không thuộc phạm vi lập vi bằng theo quy định tại Điều 25 của Nghị định này; vi bằng không được gửi đúng thời hạn để đăng ký theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị định này. Việc từ chối phải được thông báo ngay bằng văn bản cho Văn phòng Thừa phát lại và người yêu cầu lập vi bằng trong đó nêu rõ lý do từ chối đăng ký.

Vi bằng được coi là hợp lệ khi được đăng ký tại Sở Tư pháp”.

- Điều 28 về giá trị pháp lý của vi bằng do Thừa phát lại lập quy định:

“1. Vi bằng có giá trị chứng cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ án.

2. Vi bằng là căn cứ để thực hiện các giao dịch hợp pháp khác theo quy định của pháp luật”.

- Điều 46 về giải quyết tranh chấp việc lập vi bằng của Thừa phát lại quy định: *“Đối với việc lập vi bằng, nếu có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết”.*

Theo Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ T2 quy định:

- Điều 7 về giá trị pháp lý của vi bằng quy định: *“Vi bằng do Thừa phát lại lập là nguồn chứng cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ án và là căn cứ để thực hiện các giao dịch hợp pháp theo quy định của pháp luật.*

Trong quá trình đánh giá, xem xét giá trị chứng cứ của vi bằng, nếu xét thấy cần thiết, Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân có thể triệu tập Thừa phát lại để làm rõ tính xác thực của vi bằng”.

- Khoản 2 Điều 8 về sửa chữa lỗi kỹ thuật vi bằng quy định: *“2. Vi bằng có từ hai trang trở lên thì từng trang phải được đánh số thứ tự và đóng dấu giáp lai”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, vi bằng do Thừa phát lại lập là văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi mà Thừa phát lại trực tiếp chứng kiến; việc ghi nhận của Thừa phát lại phải khách quan, trung thực, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện công việc của mình. Vi bằng có giá trị là nguồn chứng cứ trong xét xử và là căn cứ để thực hiện các giao dịch hợp pháp theo quy định pháp luật. Như vậy, sự kiện, hành vi được Thừa phát lại ghi nhận trong vi bằng là sự thật khách

quan do Thừa phát lại ghi nhận trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện công việc của mình.

c) Việc tiếp nhận, vào Sổ đăng ký vi bằng đối với vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 của Văn phòng Thừa phát lại quận G

Ngày 10/11/2017, Văn phòng Thừa phát lại quận G (nay là Văn phòng T1) có đề nghị Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV do Thừa phát lại Vũ Thị H1 lập ngày 10/11/2017.

Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV gồm nội dung vi bằng (02 trang) và 01 hình ảnh ghi nhận sự kiện, 01 hình ảnh Thông báo của ông Sử Kinh S đề ngày 10/11/2017 đính kèm vi bằng (có đóng dấu giáp lai 02 trang nội dung vi bằng và 02 trang hình ảnh đính kèm).

Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV có nội dung bên lập vi bằng là Thừa phát lại Vũ Thị H1 chứng kiến, ghi nhận việc giao nhận văn bản giữa ông Trần Anh T, bà Thiều Thị Diệu H3 với ông Sử Kinh S (có hình ảnh chứng minh các bên cùng chụp hình giao, nhận văn bản và hình ảnh chụp văn bản giao nhận rõ ràng).

Qua kiểm tra, Sở Tư pháp nhận thấy:

- Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV có tổng cộng 04 trang có đóng dấu giáp lai, đánh số thứ tự theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ T2.

- Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV được lập đảm bảo theo Mẫu số B 02/VB.TPL đính kèm Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ T2.

- Nội dung vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ghi nhận hành vi các bên giao nhận văn bản thông báo không vi phạm quy định Điều 6 của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 135/2013/NĐ-CP của Chính phủ; các trường hợp vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, quốc phòng; vi phạm bí mật đời tư theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Dân sự; các trường hợp thuộc thẩm quyền công chứng của tổ chức hành nghề công chứng hoặc thuộc thẩm quyền chứng thực của UBND các cấp và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Do đó, Sở Tư pháp đã đăng ký vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV và thực hiện việc vào Sổ đăng ký đối vi bằng (số vào sổ: 47241/2017/ĐKVB, ngày vào Sổ: 10/11/2017). Ngày 13/12/2017, Sở Tư pháp ban hành Thông báo số 19831/TB-STP-BTTP gửi Văn phòng T để thông tin việc vào Sổ đăng ký vi bằng đối với vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV.

Từ các căn cứ pháp lý nêu trên, Sở Tư pháp nhận thấy việc đăng ký vi bằng (vào Sổ đăng ký vi bằng) đối với vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV đúng theo quy định của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 135/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ T2.

2. Về Công văn số 4432/STP-TTR ngày 22/9/2022.

Ngày 17/8/2022, Sở Tư pháp nhận được đơn ghi ngày 16/8/2022 của bà Đàm Quý N (địa chỉ số E N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) đề nghị hủy bỏ số vào sổ đăng ký Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV do Văn phòng T lập ngày 10/11/2017 (nay là Văn phòng T1). Ngày 25/8/2022, Sở Tư pháp có Văn bản số 3960/STP-BTTP trả lời đơn của Công dân.

Ngày 07/9/2022, Sở Tư pháp tiếp tục nhận được đơn của bà Đàm Quý N phản ánh việc vào sổ đăng ký vi bằng không đúng quy định của pháp luật và đề nghị giải quyết hủy bỏ số sổ đăng ký Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017. Căn cứ nội dung đơn và tài liệu hiện có thể hiện:

- Ngày 06/12/2016, bà Đàm Quý N có nhận chuyển nhượng nhà, đất số E N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh từ ông Sử Kinh S theo “Hợp đồng chuyển nhượng”, không có chứng nhận của Công chứng viên.

- Ngày 10/11/2017, ông Sử Kinh S yêu cầu Văn phòng T lập vi bằng giao nhận “*Thông báo ngày 10/11/2017*”. Tuy nhiên đến ngày 17/8/2022, 07/9/2022 bà Đàm Quý N mới gửi đơn đến Sở Tư pháp đề nghị hủy bỏ số vào sổ đăng ký vi bằng. Theo đó bà Đàm Quý N cho rằng “*ông S đã thực hiện hành vi gian dối đối với ông Trần Anh T và bà Thiều Thị Diệu H3 thông qua việc lập vi bằng số 541/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 ghi nhận việc bàn giao “Thông báo ngày 10/11/2017”. Nội dung thông báo thể hiện có nhận 1,9 tỷ đồng và bàn giao nhà, đất nêu trên cho ông T với bà H3*”;... việc lập vi bằng thuộc các trường hợp không được lập vi bằng theo quy định tại khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đàm Quý N do ghi nhận sự kiện, hành vi để chuyển quyền sử dụng, quyền sở hữu đất đai, tài sản không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất.

- Sở Tư pháp kiểm tra vi bằng, có Văn bản số 4432/STP-TTR ngày 22/9/2022 trả lời đơn và hướng dẫn bà Đàm Quý N khởi kiện Tòa án giải quyết tranh chấp liên quan đến vi bằng.

Về thực hiện đăng ký vi bằng theo Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ

a) Về việc áp dụng pháp luật:

Tại thời điểm lập Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 thì Nghị định số 61/2009/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 135/2013/NĐ-CP). Tại thời điểm này thì Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại chưa được ban hành (có hiệu lực thi hành ngày 24/02/2020).

Trong giai đoạn này, quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp vẫn trong giai đoạn thí điểm mặc dù chế định Thừa phát lại đã được thực hiện chính thức từ ngày 01/01/2016. Do đó, cơ sở pháp lý và lập luận đăng ký vi bằng cơ bản giữ nguyên như giai đoạn thí điểm chế định Thừa phát lại từ năm 2010 – 2015 theo Nghị định số 61/2009/NĐ-CP, Nghị định số 135/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Về trình tự, thủ tục đăng ký số vào sổ vi bằng:

- Ngày 10/11/2017, Văn phòng Thừa phát lại quận G đề nghị Sở Tư pháp đăng ký Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV do Thừa phát lại Vũ Thị H1 lập ngày 10/11/2017. Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV gồm nội dung vi bằng (02 trang) và 01 hình ảnh ghi nhận sự kiện, 01 hình ảnh Thông báo của ông Sử Kinh S đề ngày 10/11/2017 đính kèm vi bằng.

- Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV có nội dung bên lập vi bằng là Thừa phát lại Vũ Thị H1 chứng kiến, ghi nhận việc giao nhận văn bản giữa ông Trần Anh T, bà Thiều Thị Diệu H3 với ông Sử Kinh S (*có hình ảnh chứng minh các bên cùng chụp hình giao, nhận văn bản và hình ảnh chụp văn bản giao nhận rõ ràng*).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 135/2013/NĐ-CP thì: *“Thừa phát lại có quyền lập vi bằng đối với các sự kiện, hành vi theo yêu cầu của đương sự, trừ các trường hợp quy định tại Điều 6 của Nghị định này; các trường hợp vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, quốc phòng; vi phạm bí mật đời tư theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật dân sự; các trường hợp thuộc thẩm quyền công chứng của tổ chức hành nghề công chứng hoặc thuộc thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân các cấp và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật”*. Theo khoản 2 Điều 27 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 135/2013/NĐ-CP quy định: *“Kèm theo vi bằng có thể có hình ảnh, băng hình và các tài liệu chứng minh khác”*.

Căn cứ nội dung lập vi bằng là ghi nhận việc giao nhận văn bản giữa các bên nên trên cơ sở các quy định pháp luật, Sở Tư pháp đã đăng ký vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV và vào sổ đăng ký Vi bằng số 47241/2017/ĐKVB ngày 10/11/2017 (*kể cả các tài liệu đính kèm*)..

c) Về giá trị việc đăng ký vi bằng của Sở Tư pháp:

- Theo Điều 28 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 135/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giá trị pháp lý của vi bằng:

“1. Vi bằng có giá trị chứng cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ án.

2. Vi bằng là căn cứ để thực hiện các giao dịch hợp pháp khác theo quy định của pháp luật”.

- Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 135/2013/NĐ-CP của Chính phủ *“Vi bằng là văn bản do Thừa phát lại lập, ghi nhận sự kiện, hành vi được dùng làm chứng cứ trong xét xử và trong các quan hệ pháp lý khác.”*

- Tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 135/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

“4. Vi bằng lập thành 03 bản chính: 01 bản giao người yêu cầu; 01 bản gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại để đăng ký trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập vi bằng; 01 bản lưu trữ tại Văn phòng Thừa phát lại theo quy định của pháp luật về chế độ lưu trữ đối với văn bản công chứng.

5. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được vi bằng, Sở Tư pháp phải vào sổ đăng ký vi bằng Thừa phát lại. Sở Tư pháp có quyền từ chối đăng ký nếu phát hiện thấy việc lập vi bằng không đúng thẩm quyền, không thuộc phạm vi lập vi bằng theo quy định tại Điều 25 của Nghị định này; vi bằng không được gửi đúng thời hạn để đăng ký theo quy định tại khoản 4, Điều 26 của Nghị định này. Việc từ chối phải được thông báo ngay bằng văn bản cho Văn phòng Thừa phát lại và người yêu cầu lập vi bằng trong đó nêu rõ lý do từ chối đăng ký.

Vi bằng được coi là hợp lệ khi được đăng ký tại Sở Tư pháp”.

- Bên cạnh đó, Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV đã ghi nhận nội dung: *“Thừa phát lại giải thích cho các bên về giá trị pháp lý của vi bằng. Vi bằng có giá trị chứng cứ do Thừa phát lại lập để các bên sử dụng theo quy định của pháp luật. Vi bằng không thể văn bản công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật về công chứng, chứng thực. Các bên tham gia xác nhận đã hiểu rõ giá trị pháp lý của vi bằng. Đồng thời các bên tham gia cam kết đã hiểu rõ và tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của các văn bản giấy tờ liên quan, không yêu cầu Thừa phát lại thẩm tra hay xác minh”.* Qua đó, cho thấy người yêu cầu lập vi bằng đã hiểu rõ giá trị pháp lý của vi bằng và cam kết thực hiện đúng theo quy định pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ dân sự mà họ trao đổi tại buổi làm việc.

Như vậy, vi bằng là nguồn chứng cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết các vụ án; là căn cứ để thực hiện giao dịch giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Việc vào sổ đăng ký vi bằng không phải là cơ sở để xác định giá trị pháp lý của vi bằng. Theo Nghị định số 61/2009/NĐ-CP, Nghị định số 135/2013/NĐ-CP và chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Tư pháp không phải là cơ quan có thẩm quyền xem xét giá trị pháp lý của vi bằng, việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ quy định trên, Sở Tư pháp đã vào sổ đăng ký Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV; tại thời điểm đăng ký vi bằng thì việc đăng ký của Sở Tư pháp chỉ đảm bảo tính hợp lệ của vi bằng, tính hợp pháp của vi bằng do Thừa phát lại chịu trách nhiệm (Thừa phát lại chịu trách nhiệm trước pháp luật về công việc mà mình thực hiện). Qua xem xét, nội dung Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ghi nhận sự kiện, hành vi "*Ghi nhận việc giao nhận văn bản*" không thuộc các trường hợp là lập vi bằng không đúng thẩm quyền, không thuộc phạm vi lập vi bằng theo quy định tại Điều 25; vi bằng không được gửi đúng thời hạn để đăng ký theo quy định tại khoản 4, Điều 26 của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 135/2013/NĐ-CP).

Từ các cơ sở pháp lý nêu trên thì việc đăng ký vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV và vào sổ đăng ký Vi bằng số 47241/2017/ĐKVB ngày 10/11/2017 không phải là căn cứ pháp lý xác nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; chỉ ghi nhận các bên có việc giao nhận văn bản.

Về việc hủy sổ vào sổ đăng ký vi bằng, cơ sở pháp lý ban hành Văn bản số 4432/STP-TTR của Sở Tư pháp

- Theo khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: "*Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó có hiệu lực thi hành*". Hiện nay, hoạt động Thừa phát lại đang được điều chỉnh bởi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại (Nghị định số 61/2009/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/02/2020) và các văn bản khác có liên quan. Qua rà soát, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác có liên quan không có quy định về việc hủy bỏ sổ vào sổ đăng ký vi bằng hoặc từ chối việc đăng ký vi bằng của Văn phòng Thừa phát lại. Do đó, đề nghị hủy bỏ sổ vào sổ đăng ký vi bằng của bà Đàm Quý N là không có cơ sở để giải quyết vì pháp luật không có quy định.

- Điều 72 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giải quyết tranh chấp "*1. Các tranh chấp về việc thực hiện hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng liên quan đến việc thực hiện công việc của Thừa phát lại do cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự và tố*

tụng về dân sự; 2.Đối với các tranh chấp về việc lập vi bằng thì các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết”.

- Hiện nay, pháp luật không có quy định Sở Tư pháp có thẩm quyền từ chối việc đăng ký vi bằng, hủy bỏ sổ vào sổ đăng ký vi bằng cũng như công nhận giá trị pháp lý của vi bằng. Theo quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ thì việc giải quyết tranh chấp về vi bằng, quyền và lợi ích của các bên có liên quan đến vi bằng hoặc giải quyết tranh chấp về thực hiện công việc của Thừa pháp lại do cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự (bao gồm việc khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự). Sở Tư pháp là cơ quan hành chính Nhà nước không có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp này. Bản chất của vụ việc là tranh chấp dân sự liên quan đến nhà, đất số E N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hoặc hình sự trong trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ lừa đảo chiếm đoạt tài sản) thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, Sở Tư pháp đã ban hành Văn bản số 4432/STP-TTR hướng dẫn bà Đàm Quý N khởi kiện giải quyết tranh chấp theo Điều 72 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Việc hủy bỏ sổ vào sổ đăng ký vi bằng hay không đều không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đàm Quý N, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan cũng như các giao dịch dân sự phát sinh từ vi bằng này (nếu có).

Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 do Văn phòng Thừa phát lại quận G lập theo yêu cầu của là ông/bà Trần Anh T, Thiều Thị Diệu H3 và người tham gia là ông Sử Kinh S. Nay, bà Đàm Quý N (*người khởi kiện*) không phải là người yêu cầu lập vi bằng, người tham gia vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV nên việc xem xét vụ án hành chính số 312/2022/TLST-HC đối với yêu cầu khởi kiện “*Hủy bỏ sổ vào sổ đăng ký vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV của Thừa phát lại Văn phòng Thừa phát lại G lập ngày 10/11/2017 do Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh vào sổ đăng ký vi bằng thừa phát lại*” sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người yêu cầu lập vi bằng, người tham gia vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV (đã được xem xét, sử dụng trong Bản án hình sự sơ thẩm số 562/2022/HSST ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ khoản 17 Điều 55, khoản 1 Điều 57 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố (*thẩm phán Vũ Bảo NI*) xem xét, đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông/bà Trần Anh T, Thiều Thị Diệu H3 và ông Sử Kinh S tham gia tố tụng vụ án hành chính số 312/2022/TLST-HC.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng T1 có người đại diện theo ủy quyền là bà Đặng Thị Tuyết M trình bày:*

Ngày 10/11/2017, ông Trần Anh T, sinh năm 1958; Chứng minh nhân dân số 020277683, Địa chỉ: 1 T, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại quận G lập Vi bằng ghi nhận việc giao nhận văn bản.

Căn cứ theo quy định tại các Điều 25, 26, 27, 28, 29 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 135/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05/12/2013.

Vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại Văn phòng Thừa phát lại quận G, địa chỉ số B N, phường C, quận G, Tp ., Thừa phát lại đã trực tiếp chứng kiến và tiến hành lập vi bằng số 5141/2017/VB-TPLQGV ghi nhận việc giao nhận văn bản.

- Nội dung của sự kiện, hành vi lập vi bằng:

“Tại thời điểm lập vi bằng, Thừa phát lại thuộc Văn phòng Thừa phát lại quận G ghi nhận ông Trần Anh T, bà Thiều Thị Diệu H3 và ông Sử Kinh S cùng có mặt.

Thừa phát lại giải thích cho các bên về giá trị pháp lý của Vi bằng. Vi bằng có giá trị chứng cứ do Thừa phát lại lập để các bên sử dụng theo quy định của pháp luật. Vi bằng không thay thế văn bản công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực.

Các bên xác nhận đã hiểu rõ giá trị pháp lý của Vi bằng. Đồng thời các bên tham gia cam kết đã hiểu rõ và tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của các Văn bản giấy tờ liên quan, không yêu cầu Thừa phát lại thẩm tra hay xác minh.

Sau đó, Thừa phát lại chứng kiến và ghi nhận ông Sử Kinh S giao cho ông Trần Anh T, bà Thiều Thị Diệu H3 bản Thông báo ngày 10/11/2017. Sau khi nhận văn bản, ông Trần Anh T, bà Thiều Thị Diệu H3 xác nhận ông bà đã nhận bản chính Thông báo ngày 10/11/2017 do ông Sử Kinh S giao và đề nghị Thừa phát lại chụp hình lưu kèm vi bằng."

Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLQGV ngày 10/11/2017 do Văn phòng T1 lập theo đúng trình tự, thủ tục và được đăng ký tại Sở tư pháp Tp.HCM theo đúng quy định.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 957/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:*

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt

động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 28/02/2014 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ T2 hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Quý N có ông Lư Quang V làm đại diện về việc yêu cầu Tòa án xử hủy:

- Sổ vào Sổ đăng ký đối với Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV do Văn phòng Thừa phát lại quận G (nay là Văn phòng T1) lập ngày 17/11/2017 được thực hiện bởi Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, ngày đăng ký tại Sở Tư pháp: 10/11/2017, Sổ đăng ký vi bằng tại Sở Tư pháp: 47241/2017/ĐKVB.

- Văn bản số 4432/STP-TTr ngày 22/9/2022 “V/v trả lời đơn” của Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

* *Sau khi xét xử sơ thẩm*: Ngày 21/6/2023, bà Đàm Quý N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Việc lập vi bằng và đăng ký vào sổ của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà N.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía người khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Bà Đàm Quý N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy:

- Sổ vào sổ đăng ký đối với Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV do Văn phòng Thừa phát lại quận G lập được thực hiện bởi Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, ngày đăng ký tại Sở Tư pháp: 10/11/2017, Số đăng ký vi bằng tại Sở Tư pháp: 47241/2017/ĐKVB (Theo Thông báo số 19831/TB-STP-BTTP ngày 13/12/2017 “Về việc đăng ký vi bằng” của Sở Tư pháp.

- Hủy Văn bản số 4432/STP-TTr ngày 22/9/2022 “V/v trả lời đơn” của Giám đốc Sở Tư pháp, vì cho rằng việc vào Sổ đối với Vi bằng được lập vào ngày 10/11/2017 là trái pháp luật.

Căn cứ các chứng cứ đã thu thập, cùng các quy định của pháp luật có liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

* Thứ nhất: Xét việc lập Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV của Văn phòng Thừa phát lại quận G (nay là Văn phòng T1).

Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Theo yêu cầu của ông Trần Anh T, vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại Văn phòng Thừa phát lại quận G, Thừa phát lại Vũ Thị H1 đã trực tiếp chứng kiến và tiến hành lập vi bằng số 5141/2017/VB-TPLQGV ghi nhận việc giao nhận văn bản là Thông báo ngày 10/11/2017 (Văn bản không do Văn phòng thừa phát lại quận G lập).

- Nội dung của sự kiện, hành vi lập vi bằng:

“Tại thời điểm lập vi bằng, Thừa phát lại thuộc Văn phòng Thừa phát lại quận G ghi nhận ông Trần Anh T, bà Thiều Thị Diệu H3 và ông Sử Kinh S cùng có mặt.

Thừa phát lại giải thích cho các bên về giá trị pháp lý của Vi bằng. Vi bằng có giá trị chứng cứ do Thừa phát lại lập để các bên sử dụng theo quy định của pháp luật. Vi bằng không thay thế văn bản công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực.

Các bên xác nhận đã hiểu rõ giá trị pháp lý của Vi bằng. Đồng thời các bên tham gia cam kết đã hiểu rõ và tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của các Văn bản giấy tờ liên quan, không yêu cầu Thừa phát lại thẩm tra hay xác minh.

Sau đó, Thừa phát lại chứng kiến và ghi nhận ông Sử Kinh S giao cho ông Trần Anh T, bà Thiều Thị Diệu H3 bản Thông báo ngày 10/11/2017. Sau khi nhận văn bản, ông Trần Anh T, bà Thiều Thị Diệu H3 xác nhận ông bà đã nhận bản

chính Thông báo ngày 10/11/2017 do ông Sĩ Kinh S giao và đề nghị Thừa phát lại chụp hình lưu kèm vi bằng."

Như vậy, có thể thấy rằng: việc giao nhận Thông báo ngày 10/11/2017 được Thừa phát lại trực tiếp chứng kiến, việc giao nhận Thông báo là có thật, Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLQGV ngày 10/11/2017 là có thật, được lập đúng quy định pháp luật tại thời điểm lập vi bằng.

* Thứ hai: Về hành vi vào sổ đăng ký đối với Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV do Văn phòng Thừa phát lại quận G lập được thực hiện bởi Sở Tư pháp, ngày đăng ký tại Sở Tư pháp: 10/11/2017, Số đăng ký vi bằng tại Sở Tư pháp: 47241/2017/ĐKVB (Theo Thông báo số 19831/TB-STP-BTTP ngày 13/12/2017 “Về việc đăng ký vi bằng” của Sở Tư pháp.

Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục vào Sổ đăng ký vi bằng Thừa phát lại của Sở Tư pháp.

Ngày 10/11/2017 Văn phòng Thừa phát lại quận G lập Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLQGV.

Thông báo số 19831/TB-STP-BTTP ngày 13/12/2017 “Về việc đăng ký vi bằng” của Sở Tư pháp xác định, Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLQGV ngày 10/11/2017 được gửi đăng ký tại Sở Tư pháp cùng ngày 10/11/2017, Số đăng ký vi bằng tại Sở Tư pháp: 47241/2017/ĐKVB.

Tại khoản 1 Điều 156 Luật ban hành quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: *“Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.”*

Tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 135/2013/NĐ-CP quy định:

“4. Vi bằng lập thành 03 bản chính: 01 bản giao người yêu cầu; 01 bản gửi Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại để đăng ký trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập vi bằng; 01 bản lưu trữ tại Văn phòng Thừa phát lại theo quy định của pháp luật về chế độ lưu trữ đối với văn bản công chứng.

5. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được vi bằng, Sở Tư pháp phải vào sổ đăng ký vi bằng Thừa phát lại. ...

Vi bằng được coi là hợp lệ khi được đăng ký tại Sở Tư pháp”.

Như vậy, việc đăng ký vi bằng và vào sổ đăng ký vi bằng được Văn phòng Thừa phát lại quận G và Sở Tư pháp thực hiện đúng thời hạn, đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung.

Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 135/2013/NĐ-CP quy định: “Vi bằng là văn bản do Thừa phát lại lập, ghi nhận sự kiện, hành vi được dùng làm chứng cứ trong xét xử và trong các quan hệ pháp lý khác.”

Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV gồm nội dung vi bằng (02 trang) và 01 hình ảnh ghi nhận sự kiện, 01 hình ảnh chụp Thông báo của ông Sử Kinh S đề ngày 10/11/2017 đính kèm vi bằng (có đóng dấu giáp lai Văn phòng Thừa phát lại quận G vào 02 trang nội dung vi bằng và 02 trang hình ảnh đính kèm). Thông báo đề ngày 10/11/2017 là văn bản do ông Sử Kinh S lập (không phải do Thừa phát lại lập).

Theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 135/2013/NĐ-CP thì tài liệu đính kèm vi bằng do Thừa phát lại lập phải thuộc thẩm quyền, phạm vi lập vi bằng và Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra trước khi thực hiện vào Sổ đăng ký vi bằng. Đối chiếu với quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 135/2013/NĐ-CP thì Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 không thuộc trường hợp bị từ chối đăng ký. Hơn nữa, việc Sở Tư pháp chấp nhận vào Sổ đăng ký đối với Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 chỉ có giá trị xác định vi bằng được lập hợp lệ, không khẳng định tính hợp pháp về nội dung của sự kiện, hành vi được lập vi bằng. Như vậy, việc Sở Tư pháp chấp nhận vào Sổ đăng ký vi bằng đối với vi bằng nói trên không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Quý N là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh và cơ sở pháp lý để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nên cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà.

* Đối với yêu cầu hủy văn bản số 4432/STP-TTr ngày 22/9/2022 “V/v trả lời đơn” của Giám đốc Sở Tư pháp đối với bà N.

Do yêu cầu hủy sổ vào sổ đăng ký đối với Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 của bà N bị Tòa án bác bỏ nên yêu cầu hủy văn bản số 4432/STP-TTr ngày 22/9/2022 “V/v trả lời đơn” của Giám đốc Sở Tư pháp có nội

dung xác định việc vào sổ đăng ký đối với Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV ngày 10/11/2017 của Sở Tư pháp là đúng pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của bà N là có căn cứ.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà N là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà N không được Tòa án chấp nhận, nên bà phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đàm Quý N.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 957/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 28/02/2014 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ T2 hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Quý N về việc yêu cầu Tòa án xử hủy:

- Sổ vào Sổ đăng ký đối với Vi bằng số 5141/2017/VB-TPLGV do Văn phòng Thừa phát lại quận G (nay là Văn phòng T1) lập ngày 17/11/2017 được thực hiện bởi Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, ngày đăng ký tại Sở Tư pháp: 10/11/2017, Sổ đăng ký vi bằng tại Sở Tư pháp: 47241/2017/ĐKVB.

- Văn bản số 4432/STP-TTr ngày 22/9/2022 “V/v trả lời đơn” của Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đàm Quý N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm nộp theo biên lai thu số 0001738 ngày 10/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã nộp đủ tiền.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- NKK;
- NBK;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 16bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười